TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ G** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2022/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 11 – 2022
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thành Nhạn**

2. Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Đèo** –Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Mộng Đẹp** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 399/2022/TLST–HNGĐ, ngày 04 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn và chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà **Nguyễn Yến N**, sinh năm 2003; đia chỉ cư trú: ấp 24, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt)*

- *Bị đơn:* ông **Nguyễn Hoàng H**, sinh năm 1996; đia chỉ cư trú: ấp 24, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: ông **Nguyễn Phi H** *và* bà **Trần Kim Đ**; đia chỉ cư trú: ấp ấp 24, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 9 năm 2022, lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: bà và ông H cưới nhau và sống chung ngày 11 tháng 4 năm 2020 âm lịch nhưng không có đăng ký kết hôn. Hai người đã ly thân từ tháng 7 năm 2020 âm lịch, lý do: ông bà già chồng mượn vàng không trả, mà còn la, còn chồng thì không quan tâm. Nay bà N yêu cầu ly hôn với ông H.

+ Việc nuôi con: bà và ông H không có con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Chia tài sản:

Vào ngày cưới nhau thì cha mẹ chồng là ông H và bà Đ, cùng với những người đi họ đã cho 17 chỉ vàng 24K. Khi về ở bên chồng thì ông H và bà Đ đã mượn 10 chỉ và hiện nay bà N đang quản lý 07 chỉ. Nay bà N yêu cầu ông H và bà Đ trả lại để bà và ông H chia đôi.

Ông H và bà Đ có cho đôi bông tai 0,7 chỉ vàng 18K, bà N đang quản lý nên yêu cầu được sở hữu.

Cặp nhẫn cưới 0,7 chỉ vàng 18K, bà N đang quản lý 01 chiếc 0,35 chỉ và ông H đang quản lý 01 chiếc 0,35 chỉ. Bà N yêu cầu chia mỗi người 01 chiếc.

- Bị đơn ông Nguyễn Hoàng H; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phi H và bà Trần Kim Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không thể tiến hành lấy lời khai được.

- Kiểm sát viên phát biểu:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có mặt theo giấy triệu của Tòa án, vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải là không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại các Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về quan hệ hôn nhân: không công nhận bà Nguyễn Yến N và ông Nguyễn Hoàng H là vợ chồng.

+ Về quan hệ con: không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Chia tài sản:

Đối với 17 chỉ vàng 24K: chia cho bà Nguyễn Yến N 8,5 chỉ; hiện bà N đang quản lý 07 chỉ nên bà N tiếp tục quản lý và sở hữu và buộc ông H và bà Đ trả cho bà N 1,5 chỉ vàng 24K; chia cho ông Nguyễn Hoàng H 8,5 chỉ và hiện ông H và bà Đ đang quản lý.

Chia cho bà Nguyễn Yến N 01 đôi bông tai 0,7 chỉ vàng 18K.

Chia cho bà Nguyễn Yến N 01 chiếc nhẫn cưới 0,7 chỉ vàng 18K cho ông Nguyễn Hoàng H 01 chiếc 0,35 chỉ vàng 18K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Nguyễn Hoàng H; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phi H và bà Trần Kim Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên việc xét xử vắng mặt của họ là phù hợp với quy định tại các Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Quan hệ hôn nhân**: Xét thấy bà Nguyễn Yến N và ông Nguyễn Hoàng H có tổ chức lễ cưới và sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Nay bà N có đơn yêu cầu nên theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình thì Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Yến N và ông Nguyễn Hoàng H là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] **Việc nuôi con**: bà Nguyễn Yến N và ông Nguyễn Hoàng H không có con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] **Chia tài sản**:

- Mặc dù bị đơn ông Nguyễn Hoàng H; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phi H và bà Trần Kim Đ không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa

án nên không thể tiến hành lấy lời khai nhưng căn cứ vào biên bản hòa giải tại địa phương thì bà N và ông H được tặng cho số vàng và hiện ông H và bà Đ đang mượn như bà N trình bày.

- Do không công nhận bà N và ông H là vợ chồng nên quan hệ tài sản được giải quyết theo quy định của Bộ Luật dân sự, theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Đối với 10 chỉ vàng 24K hiện ông H đang mượn: xét thấy đây là tài sản đã được ông H và bà Đ tặng cho bà N và ông H vào ngày cưới và đã phát sinh hiệu lực nên khi ông H mượn thì phải có trách nhiệm trả. Mặc dù bà Đ không trực tiếp mượn nhưng ông H và bà Đ đang sống chung và khi hòa giải tại địa phương ông H thừa nhận nhưng bà Đ không phản đối với ông H và bà Đ phải có chịu trách nhiệm trả chung.

- Xét thấy đối với 17 chỉ vàng 24K và cặp nhẫn cưới 0,7 chỉ vàng 24K thì giữa bà N và ông H được tặng cho chung vào ngày cưới nên bà N và ông H được xác lập quyền sỡ hữu chung và mỗi người được ½ đối với tài sản chung. Do đó, việc bà N yêu cầu chia đôi là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận:

+ Chia cho bà Nguyễn Yến N 8,5 chỉ vàng 24K. Hiện bà N đang quản lý 07 chỉ vàng 24K nên được tiếp tục quản lý và sở hữu. Đồng thời, buộc ông H và bà Đ có trách nhiệm trả cho bà N 1,5 chỉ vàng 24K

+ Chia cho ông Nguyễn Hoàng H 8,5 chỉ vàng 24K. Hiện ông H và bà Đ đang quản lý, do ông H không có yêu cầu nên không buộc ông H và bà Đ giao trả, trong trường hợp ông H có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

+ Chia cho bà Nguyễn Yến N 01 chiếc nhẫn cưới 0,35 chỉ vàng 18K. Hiện bà N đang quản lý nên được tiếp tục quản lý và sở hữu.

+ Chia cho ông Nguyễn Hoàng H 01 chiếc nhẫn cưới 0,35 chỉ vàng 18K. Hiện ông H đang quản lý nên được tiếp tục quản lý và sở hữu.

- Đối với 01 đôi bông tai 0,7 chỉ vàng 18K: xét thấy đây là bông tai được tặng riêng cho cô dâu vào ngày cưới nên việc bà N yêu cầu được chia là phù hợp nên được

Hội đồng xét xử chấp nhận. Hiện bà N đang quản lý nên được tiếp tục quản lý và sở hữu.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G là phù hợp nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] **Về án phí**:

- Bà Nguyễn Yến N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ,

- Bà Nguyễn Yến N phải chịu án phí tương ứng với giá trị phần tài sản được chia là: (5.280.000đ/chỉ x 8,5 chỉ vàng 24K) + (3.835.400đ/chỉ x 0,35 chỉ vàng 18K) + (3.835.400đ/chỉ x 0,7 chỉ vàng 18K) = 48.907.000đ x 5% = 2.445.000đ.

Tổng cộng: 2.745.000đ, khấu trừ số tiền đã dự nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0004340 ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G là 1.200.000đ và buộc bà N phải nộp tiếp là 1.545.000đ

- Ông Nguyễn Hoàng H phải chịu án phí tương ứng với giá trị phần tài sản được chia là: (5.280.000đ/chỉ x 8,5 chỉ vàng 24K) + (3.835.400đ/chỉ x 0,35 chỉ vàng 18K) = 46.222.000đ x 5% = 2.311.000đ.

- Ông Nguyễn Phi H và bà Trần Kim Đ có nghĩa vụ chịu án phí đối với giá trị tài sản phải thực hiện nghĩa vụ là: 5.280.000đ/chỉ x 1,5 chỉ vàng 24K = 7.920.000đ x 5% = 396.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 205, 207, 209, 219, 457, 458, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 14, 16, 37, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: không công nhận bà Nguyễn Yến N và ông Nguyễn Hoàng H là vợ chồng.

2. Việc nuôi con: bà Nguyễn Yến N và ông Nguyễn Hoàng H không có con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Chia tài sản:

- Chia cho bà Nguyễn Yến N 8,5 chỉ vàng 24K. Hiện bà N đang quản lý 07 chỉ vàng 24K nên bà N được tiếp tục quản lý và sở hữu.

- Buộc ông Nguyễn Phi H và bà Trần Kim Đ có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Yến N 1,5 chỉ vàng 24K.

- Chia cho ông Nguyễn Hoàng H 8,5 chỉ vàng 24K. Hiện ông Nguyễn Phi H và bà Trần Kim Đ đang quản lý, do ông H không có yêu cầu nên không buộc ông H và bà Đ giao trả, trong trường hợp ông H có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

- Chia cho bà Nguyễn Yến N 01 chiếc nhẫn cưới 0,35 chỉ vàng 18K. Hiện bà N đang quản lý nên được tiếp tục quản lý và sở hữu.

- Chia cho ông Nguyễn Hoàng H 01 chiếc nhẫn cưới 0,35 chỉ vàng 18K. Hiện ông H đang quản lý nên được tiếp tục quản lý và sở hữu.

- Chia cho bà Nguyễn Yến N 01 đôi bông tai 0,7 chỉ vàng 18K. Hiện bà N đang quản lý nên được tiếp tục quản lý và sở hữu.

4. Về án phí:

- Bà Nguyễn Yến N phải chịu án phí số tiền 2.745.000đ, khấu trừ số tiền đã dự nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0004340 ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G là 1.200.000đ và buộc bà N phải nộp tiếp là 1.545.000đ.

- Buộc ông Nguyễn Hoàng H phải chịu nộp án phí số tiền 2.311.000đ.

- Buộc ông Nguyễn Phi H và bà Trần Kim Đ phải chịu nộp án phí số tiền 396.000đ.

5. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Minh Tấn